

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 624/2023/DS - PT

Ngày: 30 – 5 - 2023

V/v “Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản và thực hiện nghĩa vụ do
người chết để lại”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

2. Bà Phan Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 04 năm 2023 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1699/2023/QĐ - PT ngày 18 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2420/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 19 Lô K, khu dân cư B, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1980; (có mặt).

Địa chỉ: 221/41/1G Đường V, phường P, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;
(Giấy ủy quyền ngày 25/4/2022).

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Chấn G, sinh năm 1964.

Địa chỉ : 600/1 Đường I, Phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1970 (chết tháng 9/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H:

2.1. Ông Nguyễn Chấn G, sinh năm 1964.

2.2. Ông Nguyễn Chấn U, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 600/1 Đường I, Phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 165/5E Đường Q, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Chấn G và bà Nguyễn Ngọc Y cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Đỗ Bảo C đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 15/03/2023.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh E, sinh năm 1973 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 19 Lô K, khu dân cư B, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – ông Nguyễn Chấn G kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2022 và các bản tự khai, ông Nguyễn Quốc T là đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà N và vợ chồng bà Trương Thị Ngọc H, ông Nguyễn Chấn G ngụ tại 600/1 đường Đường I, Phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là bạn bè thân thiết với nhau nhiều năm liền.

Trong quá trình kinh doanh, khi gặp khó khăn vợ chồng bà Trương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Chấn G thường xuyên nhận được sự trợ giúp của bà N và vợ chồng bà thường xuyên mượn tiền gia đình bà N, cụ thể:

Khoảng đầu năm 2019, ông Nguyễn Chấn G có mượn của bà N tổng cộng số tiền là 180.000.000 đồng, do quá thân tình nên bà N không yêu cầu ký giấy

mượn nợ, sau này khi đòi ông G cũng thừa nhận nhưng không ký giấy tờ, sau nhiều lần như vậy nên bà N đã ghi âm lại sự việc (kèm đoạn băng ghi âm ông G thừa nhận có mượn tiền bà N được ghi lại vào ngày 10/4/2022).

Ngày 07/4/2020, bà Trương Thị Ngọc H có làm giấy mượn bà N với số tiền 280.000.000 đồng.

Ngày 17/4/2021, bà Trương Thị Ngọc H lại tiếp tục mượn bà N với số tiền là 380.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà Trương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Chấn G mượn bà N là 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng). Tháng 9/2021 bà Trương Thị Ngọc H qua đời do bị bệnh Covid-19. Bà N nói chuyện với các đồng thừa kế của bà H, nhưng họ không chịu trả khoản nợ trên mà cố tình trì hoãn. Nay bà N yêu cầu Tòa án nhân dân Quận M xem xét và yêu cầu ông Nguyễn Chấn G và các đồng thừa kế của bà H phải thanh toán cho bà N số tiền gốc và lãi là 975.774.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) Trong đó:

Về khoản tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) không có lãi. Thời hạn tạm tính từ ngày hai bên xác nhận khoản nợ (10/04/2022-1/2023 là 09 tháng). Nợ gốc: 180.000.000 đồng, Lãi quá hạn: (Thời hạn tạm tính từ ngày hai bên xác nhận khoản nợ là 10/04/2022 - 1/2023 là 09 tháng với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 4, Điều 466 Bộ Luật Dân Sự 2015) $180.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 9 \text{ tháng} = 13.446.000 \text{ đồng}$. Tổng: $180.000.000 \text{ đồng} + 13.446.000 \text{ đồng} = 193.446.000 \text{ đồng}$

Về khoản tiền: 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) vay ngày 07/04/2020. Không có lãi, thời hạn vay là 01 (Một) năm (07/04/2020 - 07/04/2021). Nợ gốc: 280.000.000 đồng. Lãi quá hạn: (được tạm tính từ ngày 07/05/2021- 01/2023 là 20 tháng) $280.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 20 \text{ tháng} = 46.480.000 \text{ đồng}$. Tổng: $280.000.000 \text{ đồng} + 46.480.000 \text{ đồng} = 326.480.000 \text{ đồng}$.

Về khoản tiền: 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) vay ngày 27/04/2021. Mức lãi suất 2% trên tổng số tiền thiếu. Thời hạn vay 01 (Một) năm từ ngày 27/04/2021 – 27/04/2022 và thời gian chậm thanh toán được tạm tính từ 5/2022 – 01/2023 là 8 tháng. Nợ gốc: 380.000.000 đồng. Lãi trên nợ gốc trong hạn: (Vì hai bên không có thỏa thuận rõ ràng lãi suất và chỉ ghi nhận “mức lãi suất 2% trên tổng số tiền thiếu” nên sẽ lấy mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm) $380.000.000 \times 10\% \times 1 \text{ năm} = 38.000.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi tám triệu). Lãi trên nợ gốc quá hạn: (Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm) $380.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 0.83\%) \times 8 \text{ tháng} = 37.848.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tổng: 380.000.000 đồng + 38.000.000 đồng + 37.848.000 đồng = 455.848.000 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Vậy, tổng tất cả số tiền gốc và tiền lãi là: 193.446.000 đồng + 326.480.000 đồng + 455.848.000 đồng = 975.774.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Ý kiến của ông Nguyễn Thanh E: Ông là chồng của bà Lê Thị Mỹ N đồng ý với nội dung vụ tranh chấp và ý kiến mà bà N trình bày.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Chấn G: Ông là chồng của bà Trương Thị Ngọc H. Đối với giấy vay nợ ngày 07/4/2020 với số tiền vay là 280.000.000 đồng và giấy vay nợ ngày 17/4/2021 với số tiền vay là 380.000.000 đồng đều do bà Trương Thị Ngọc H ký nhận, tổng cộng số tiền bà Ngọc H đã vay của bà Lê Thị Mỹ N là 660.000.000 đồng ông hoàn toàn không biết. Ông xác nhận có vay của bà Lê Thị Mỹ N số tiền là 180.000.000 đồng, tuy nhiên do hiện nay ông mất sức lao động và kinh tế khó khăn nên ông xin bà N cho trả dần số tiền ông đã vay của bà N và trả từ từ mỗi tháng 500.000 đồng.

Ý kiến của bà Nguyễn Ngọc Y: Bà là con gái của bà Trương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Chấn G. Đối với giấy vay nợ ngày 07/4/2020 với số tiền vay là 280.000.000 đồng và giấy vay nợ ngày 27/4/2021 với số tiền vay là 380.000.000 đồng, bà xác nhận chữ ký trên hai giấy vay nợ này đều do mẹ bà là bà Trương Thị Ngọc H ký nhận, tổng cộng số tiền bà Ngọc H đã vay của bà Lê Thị Mỹ N là 660.000.000 đồng, tuy nhiên bà hoàn toàn không biết hai khoản vay này của bà Ngọc H, vì lúc mượn tiền của bà N, mẹ bà không thông báo cho gia đình nên cả gia đình không biết về khoản vay này. Riêng đối với khoản vay 180.000.000 đồng mà cha bà là ông Nguyễn Chấn G đã vay thì bà biết và đồng ý trả. Hiện nay do kinh tế khó khăn nên xin bà N cho trả dần số tiền ông Chấn G đã vay cho đến khi hết số nợ.

Ý kiến của ông Nguyễn Chấn U: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Ngọc Y.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận M buộc các đồng thừa kế của bà Trương Thị Ngọc H bao gồm: Ông Nguyễn Chấn G, bà Nguyễn Ngọc Y và ông Nguyễn Chấn U phải thanh toán cho bà N số tiền gốc và lãi là 782.328.000 đồng (Bảy trăm tám mươi hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng). Trong đó: Số tiền gốc: 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền lãi: 122.328.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Chấn G và bà Nguyễn Ngọc Y phải liên đới trả số nợ là 191.952.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng). Trong đó: Số tiền gốc: 180.000.000 đồng, Số tiền lãi: Thời hạn tạm tính

từ ngày 06/05/2022 – 06/01/2023 là 08 tháng với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 4, Điều 466 Bộ Luật Dân Sự 2015) 180.000.000 đồng x 0.83% x 8 tháng=11.952.000 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc Y trình bày: Bà không đồng ý với hai khoản vay 280.000.000 đồng và 380.000.000 đồng của mẹ bà là bà Trương Thị Ngọc H đã vay bà N, vì bà hoàn toàn không biết hai khoản vay này của bà Ngọc H và lúc mượn tiền của bà N, mẹ bà không thông báo cho gia đình nên cả gia đình không biết về khoản vay này, hai tờ giấy nợ lúc đầu xem thì giống chữ ký của mẹ bà nhưng khi gia đình về xem lại thì bà cho rằng không phải, bà cũng không có đơn yêu cầu giám định chữ ký và cũng không cung cấp chứng cứ để giám định. Riêng đối với khoản vay 180.000.000 đồng mà cha bà là ông Nguyễn Chấn G đã vay thì bà biết và đồng ý trả vì ông Nguyễn Chấn G đã tặng cho một phần tài sản là ½ căn nhà tại địa chỉ số 600/1 đường Đường I cho bà. Hiện nay do kinh tế khó khăn nên xin bà N cho trả dần số tiền ông Chấn G đã vay cho đến khi hết số nợ.

Ý kiến của ông Nguyễn Chấn U: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Ngọc Y.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 06/2023/QĐ-SCBSBA ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Điều 466, 468, 469, 615 của Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ N

Buộc ông Nguyễn Chấn G, bà Nguyễn Ngọc Y, ông Nguyễn Chấn U là những người thừa kế của bà Trương Thị Ngọc H có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản của bà Trương Thị Ngọc H để trả nợ cho bà Lê Thị Mỹ N số tiền 782.328.000 đồng (Bảy trăm tám mươi hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng). Trong đó: Số tiền gốc: 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), Số tiền lãi: 122.328.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Chấn G và bà Nguyễn Ngọc Y phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ là 191.952.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng). Trong đó: số nợ gốc: 180.000.00 đồng, Số tiền lãi: 11.952.000 đồng cho bà Lê Thị Mỹ N, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Chấn G, bà Nguyễn Ngọc Y, ông Nguyễn Chấn U là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trương Thị Ngọc H phải chịu lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

3. Về án phí:

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trương Thị Ngọc H, bà Nguyễn Ngọc Y, ông Nguyễn Chấn U phải liên đới chịu án phí là 35.293.000 đồng (ba mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn) đồng, nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự có thẩm quyền trong phạm vi di sản của bà Trương Thị Ngọc H để lại.

Ông Nguyễn Chấn G bà Nguyễn Ngọc Y phải liên đới chịu án phí là 9.597.600 đồng (chín triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng, nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Mỹ N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.386.320 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0020060 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

Về chi phí thẩm định giá do nguyên đơn tự nguyện chịu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Chấn G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị hủy án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Bảo C là đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Nguyễn Chấn G trình bày: Bị đơn – ông G thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 180.000.000 đồng: ông G và bà Y cùng đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn nhưng không đồng ý trả số tiền lãi 11.952.000 đồng vì theo đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với số tiền 180.000.000 đồng mà bản án sơ thẩm giải quyết số tiền lãi 11.952.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

- Đối với giấy mượn tiền đề ngày 7/4/2020 và giấy cho vay tiền đề ngày 27/4/2021: chỉ là thỏa thuận giữa bên vay và bên cho vay, bên mượn tiền và bên cho mượn tiền. Nguyên đơn không chứng minh được đã giao đủ số tiền các bên đã thỏa thuận vay mượn, trong khi đó bên vay đã chết. Từ căn cứ nguyên đơn không chứng minh được việc nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao tài sản cho bà H cũng không có căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 02 giấy vay tiền này. Bị đơn chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 180.000.000 đồng như đã nêu trên.

Ông T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đối với khoản vay 180.000.000 đồng, nguyên đơn rút lại yêu cầu đòi tiền lãi 11.952.000 đồng, yêu

cầu ông G và bà Y liên đới trả 180.000.000 đồng. Đối với 02 khoản vay 280.000.000 đồng và 380.000.000 đồng theo 02 giấy vay ngày 7/4/2020 và 27/4/2021. Căn cứ vào 02 giấy vay tiền này thì bà H có mượn của bà N 02 khoản với số tiền là 660.000.000 đồng. Về số tiền lãi 122.328.000 đồng của 02 khoản vay, bà N đồng ý giảm cho bị đơn 22.328.000 đồng, chỉ yêu cầu trả lãi 100.000.000 đồng. Như vậy, tổng tiền gốc, lãi bà N yêu cầu phía bị đơn trả là 760.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với khoản nợ 180.000.00 đồng bà N cho ông Nguyễn Chấn G mượn: tại phiên tòa sơ thẩm, bà Y đồng ý cùng liên đới với ông G trả nợ cho bà N. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc bà Y và ông G liên đới trả cho bà N số tiền 180.000.000 đồng. Về tiền lãi: tại phiên tòa, ông T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông G, bà Y trả số tiền lãi 11.952.000 đồng.

Đối với khoản nợ ngày 07/4/2020 và ngày 27/4/2021: Ông Nguyễn Chấn G, bà Nguyễn Ngọc Y (chồng và con bà Trương Thị Ngọc H) cho rằng không biết bà Trương Thị Ngọc H vay số tiền 660.000.000 đồng của bà N để làm gì nhưng bà Y xác nhận chữ ký trên hai Giấy vay tiền là của bà Trương Thị Ngọc H. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Y cho rằng lúc đầu xem chữ ký tại hai giấy nợ giống chữ ký của bà H nhưng khi xem lại bà Y cho rằng không phải, tuy nhiên bà Y không có đơn yêu cầu giám định chữ ký, không cung cấp chứng cứ để giám định. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông G yêu cầu giám định chữ ký của bà H trên 02 giấy nợ nhưng không cung cấp chứng cứ để giám định. Như vậy có việc bà H vay bà N số tiền 660.000.000 đồng nên những người được hưởng thừa kế của bà H có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền trên và lãi theo quy định

Về tiền lãi, tổng cộng tiền lãi của 02 khoản vay là 122.328.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Toàn đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý giảm số tiền lãi 22.328.000 đồng đối với 02 khoản vay trên. Nhận thấy việc nguyên đơn giảm tiền lãi là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Hàng thừa kế thứ nhất của bà H gồm: chồng là ông Nguyễn Chấn G, con gái Nguyễn Ngọc Y, con trai Nguyễn Chấn U.

Di sản mà bà Trương Thị Ngọc H để lại toàn bộ phần của bà H đối với nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 600/1 Đường I, Phường X, Quận M. Chồng là ông Nguyễn Chấn G, con gái Nguyễn Ngọc Y, con trai ông Nguyễn Chấn U là những người được hưởng thừa kế của bà H.

Nghĩa vụ do bà Trương Thị Ngọc H để lại là trả số tiền vay của bà N là 660.000.000 đồng + 100.000.000 đồng = 760.000.000 đồng.

Điều 615 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Do đó, các đồng thừa kế của bà Trương Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà N.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Chân G. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông G, bà Y thanh toán số tiền lãi 11.952.000 đồng. Buộc ông G, bà Y thanh toán cho bà N số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng. Buộc những người thừa kế của bà Trương Thị Ngọc H (ông G, bà Y, ông U) thanh toán cho bà N số tiền 760.000.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 660.000.000 đồng và tiền nợ lãi 100.000.000 đồng). Về án phí: các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã tạm nộp án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

Về sự vắng mặt của đương sự: ông Nguyễn Chân U, ông Nguyễn Thanh E có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa vắng mặt đương sự.

Về đơn xin hoãn phiên tòa để trưng cầu giám định: Tại phiên tòa sơ thẩm, đương sự có yêu cầu giám định chữ ký nhưng không làm đơn, không cung cấp chứng cứ nên cấp sơ thẩm không xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự xin hoãn phiên tòa để trưng cầu giám định chữ ký nhưng cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ để thực hiện việc giám định nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.1] Đối với khoản nợ 180.000.000 đồng bà Lê Thị Mỹ N cho ông Nguyễn Chân G mượn: Tại phiên tòa phúc thẩm: ông G và bà Y đồng ý trả nợ gốc 180.000.000 đồng cho nguyên đơn; không đồng ý trả khoản tiền lãi 11.952.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu đòi tiền lãi 11.952.000 đồng. Do đó, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đòi tiền lãi 11.952.000 đồng mà nguyên đơn đã rút. Buộc ông G và bà Y liên đới trả số tiền 180.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[2.2] Đối với khoản nợ ngày 07/4/2020 và ngày 27/4/2021: Theo Giấy mượn tiền ngày 07/4/2020 có nội dung thể hiện bà Trương Thị Ngọc H có mượn tiền bà Lê Thị Mỹ N với số tiền là 280.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh với lãi suất 2 bên tự thỏa thuận, trong thời gian mượn 1 năm.

Và theo Giấy cho vay tiền ngày 27/4/2021 có nội dung thể hiện bà Trương Thị Ngọc H đồng ý nhận tiền vay của bà Lê Thị Mỹ N số tiền vay là 380.000.000 đồng, mức lãi suất 2% trên tổng số tiền thiếu, thời hạn mượn: 1 năm.

[2.3] Như vậy, khi còn sống, bà H có vay của bà N 02 khoản tiền theo hai giấy nợ trên với số tiền gốc là 660.000.000 đồng. Do bà H đã chết nên những người được hưởng thừa kế của bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền vay 660.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, việc bị đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hai khoản vay này là không có cơ sở xem xét.

[2.4] Về tiền lãi: Bà N yêu cầu thanh toán tiền lãi đối với khoản vay 280.000.000 đồng được tạm tính từ ngày 07/5/2021 đến ngày 07/01/ 2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng tương ứng với số tiền 46.480.000 đồng. Và đối với khoản vay 380.000.000 đồng, bà N yêu cầu thanh toán lãi trong hạn tính từ ngày 27/4/2021 đến ngày 27/4/2022 với lãi suất 0,83%/tháng tương ứng số tiền 38.000.000 đồng; Lãi quá hạn ($150\% \times 0,83\%/tháng$) tạm tính từ ngày 28/5/2022 đến ngày 28/5/2023 tương ứng với số tiền 37.848.000 đồng. Theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất trên là phù hợp. Số tiền lãi được chấp nhận là 122.328.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý giảm số tiền lãi 22.328.000 đồng đối với 02 khoản vay trên là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Như vậy, tiền gốc, tiền lãi của hai khoản vay trên được chấp nhận là 760.000.000 đồng.

[3] Bà Trương Thị Ngọc H chết ngày 4/9//2021. Theo kết quả xác minh của Công an Phường X, Quận M và các tài liệu chứng cứ do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận M và các tài liệu chứng cứ như giấy chứng tử, giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh...có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Trương Thị Ngọc H gồm: Chồng là ông Nguyễn Chấn G và các con là Nguyễn Ngọc Y và Nguyễn Chấn U.

[3.1] Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đất đai Quận M ngày 27/12/2022 thì nhà và đất tại địa chỉ số 600/1 Đường I, Phường X, Quận M cấp Giấy quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 0039/2004 ngày 05/10/2004 cho ông Nguyễn Chấn G và bà Trương Thị Ngọc H ngày 16/9/2014.

Sau khi bà Trương Thị Ngọc H chết căn nhà nêu trên đã được tiến hành khai nhận di sản thừa kế theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 08/11/2022 số công chứng 173553 quyền số 11/2022TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh cho những người thừa kế của bà Trương Thị Ngọc H là ông Nguyễn Chấn G, bà Nguyễn Ngọc Y và ông Nguyễn Chấn U.

Ngày 08/11/2022 ông Nguyễn Chấn G và ông Nguyễn Chấn U đã lập hợp đồng tặng cho một phần nhà ở, quyền sử dụng một phần đất ở tại địa chỉ 600/1 đường Đường I, Phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Ngọc Y nhưng chưa cập nhật biến động.

[3.2] Như vậy, di sản mà bà Trương Thị Ngọc H để lại toàn bộ phần của bà H đối với nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 600/1 Đường I, Phường X, Quận M. Chồng là ông Nguyễn Chấn G, con gái Nguyễn Ngọc Y, con trai ông Nguyễn Chấn U là những người được hưởng thừa kế của bà H.

[3.3] Nghĩa vụ do bà Trương Thị Ngọc H để lại là trả khoản vay của bà Lê Thị Mỹ N số tiền gốc 660.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng, tổng cộng là 760.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015: “Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do đó, các đồng thừa kế của bà Trương Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà N.

[3.4] Theo kết quả thẩm định giá số 2314000727/HCM ngày 07/2/2023 của công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn trị giá nhà và đất nêu trên là 5.534.041.000 đồng. Bà H phải trả cho bà N số nợ là 760.000.000 đồng là trong phạm vi giá trị di sản là căn nhà do bà H để lại.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí sơ thẩm: Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trương Thị Ngọc H: ông Nguyễn Chấn G, bà Nguyễn Ngọc Y, ông Nguyễn Chấn U phải liên đới chịu án phí trên số tiền 760.000.000 đồng là 34.400.000 đồng.

Ông Nguyễn Chấn G và bà Nguyễn Ngọc Y phải liên đới chịu án phí trên số tiền 180.000.000 đồng là 9.000.000 đồng.

[5.2] Về án phí phúc thẩm: bị đơn không phải chịu, hoàn lại án phí tạm nộp cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 466, 468, 469, 615 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Chấn G.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ N.

1.1. Buộc ông Nguyễn Chấn G, bà Nguyễn Ngọc Y, ông Nguyễn Chấn U là những người thừa kế của bà Trương Thị Ngọc H có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản của bà Trương Thị Ngọc H để trả nợ cho bà Lê Thị Mỹ N số tiền 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng). Trong đó: Số tiền gốc: 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), Số tiền lãi: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Buộc ông Nguyễn Chấn G và bà Nguyễn Ngọc Y phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ N số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với phần tiền lãi 11.952.000 đồng mà nguyên đơn đã rút.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trương Thị Ngọc H: ông Nguyễn Chấn G, bà Nguyễn Ngọc Y, ông Nguyễn Chấn U phải liên đới chịu án phí trên số tiền 760.000.000 đồng là 34.400.000 đồng.

Ông Nguyễn Chấn G và bà Nguyễn Ngọc Y phải liên đới chịu án phí trên số tiền 180.000.000 đồng là 9.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Mỹ N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.386.320 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0020060 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

Về chi phí thẩm định giá do nguyên đơn tự nguyện chịu.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Chấn G không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho ông G 300.000 đồng án phí tạm nộp theo biên lai thu số AA/2021/0020843 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Cương Phan Thị Tú Oanh

Võ Thị Kim Thương

